

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG
Về việc ban hành Định mức chi phí tư vấn đầu tư và xây dựng

BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02/03/1993 của Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước của các Bộ, Cơ quan ngang Bộ.

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 04/3/1994 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng.

Căn cứ Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ ban hành Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng và Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 05/05/2000 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ.

Theo đề nghị của Viện trưởng Viện Kinh tế Xây dựng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này "Định mức chi phí tư vấn đầu tư và xây dựng".

Điều 2: Quyết định này thay thế cho Quyết định số 45/1999/QĐ-BXD ngày 02 tháng 12 năm 1999 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành "Định mức chi phí tư vấn đầu tư và xây dựng" và có hiệu lực thi hành thống nhất trong cả nước sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3: Các Bộ, Cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

ĐỊNH MỨC CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG

(Ban hành theo Quyết định số: 14/2000/QĐ-BXD ngày 20/7/2000 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

PHẦN I: QUY ĐỊNH CHUNG VÀ HƯỚNG DẪN ÁP DỤNG

1. Định mức chi phí tư vấn đầu tư và xây dựng quy định trong văn bản này (sau đây gọi tắt là định mức chi phí tư vấn) là mức chi phí tối đa để thực hiện công việc tư vấn và là căn cứ xác định chi phí tư vấn trong tổng mức đầu tư, trong tổng dự toán, để xét thầu, tuyển chọn tư vấn và ký kết hợp đồng tư vấn trong trường hợp chỉ định thầu.

2. Đối tượng và phạm vi áp dụng định mức chi phí tư vấn:

2.1. Đối tượng áp dụng cho các công việc tư vấn đầu tư và xây dựng gồm:

Dự án; tiểu dự án; dự án thành phần;

Gói thầu của dự án (tiểu dự án, dự án thành phần) theo kế hoạch đấu thầu được duyệt;

2.2. Phạm vi áp dụng: Các dự án được đầu tư bằng các nguồn vốn sau:

Vốn ngân sách Nhà nước;

Vốn tín dụng do Nhà nước bảo lãnh, vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước;

Vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước.

2.3. Chi phí tư vấn cho các dự án đầu tư bằng nguồn vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài (theo Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam) do các bên giao, nhận thầu tự thỏa thuận. Đối với những công việc tư vấn của dự án do tổ chức tư vấn Việt Nam đảm nhận, thì chi phí thực hiện các công việc tư vấn này do các bên thỏa thuận theo thông lệ quốc tế; nếu theo định mức quy định tại văn bản này thì tối thiểu không thấp hơn hai lần.

3. Trong văn bản này quy định định mức chi phí tư vấn cho một số công việc sau:

3.1.Lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi ;

3.2.Lập báo cáo nghiên cứu khả thi ;

3.3.Lập báo cáo đầu tư ;

3.4.Thẩm định dự án đầu tư; Thẩm định thiết kế kỹ thuật; Thẩm định tổng dự toán (Trường hợp thuê các chuyên gia hoặc tổ chức tư vấn thực hiện các công việc này);

3.5.Lập hồ sơ mời thầu xây lắp và phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu xây lắp ;

3.6.Lập hồ sơ mời thầu mua sắm vật tư thiết bị và phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu mua sắm vật tư thiết bị ;

3.7.Giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị.

Các công việc tư vấn khác chưa được quy định định mức thì chi phí để thực hiện công việc tư vấn này được xác định theo hướng dẫn tại điểm 13 trong văn bản này.

Nội dung và sản phẩm của từng công việc tư vấn nêu trên được quy định tại các văn bản sau:

Đối với các công việc 3.1; 3.2; 3.3: theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ;

Đối với công việc 3.4: Theo quy định trong Quy chế Quản lý Đầu tư và Xây dựng ban hành theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ, Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 05/05/2000 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quy chế Quản lý Đầu tư và Xây dựng ban hành theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Xây dựng;

Đối với các công việc 3.5; 3.6: theo quy định trong Quy chế Đấu thầu ban hành kèm theo Nghị định số 88/1999/NĐ-CP ngày 01 tháng 09 năm 1999 của Chính phủ, Nghị định số 14/2000/NĐ-CP ngày 05/05/2000 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế Đấu thầu ban hành kèm theo Nghị định số 88/1999/NĐ-CP ngày 01 tháng 09 năm 1999 của Chính phủ và Thông tư số 04/2000/TT-BKH ngày 26/5/2000 của Bộ Kế hoạch Đầu tư hướng dẫn thực hiện Quy chế Đấu thầu ban hành kèm theo Nghị định số 88/1999/NĐ-CP ngày 01 tháng 09 năm 1999 của Chính phủ ;

Đối với công việc 3.7: theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng về Quản lý chất lượng công trình xây dựng.

4. Chi phí tư vấn đầu tư và xây dựng được định mức bao gồm các khoản: chi phí tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, công đoàn, vật liệu, máy móc thiết bị, chi phí quản lý, thu nhập chịu thuế tính trước.

Trường hợp tổ chức tư vấn phải mua các bảo hiểm khác theo quy định trong thực hiện công việc của dự án mà tổ chức tư vấn đảm nhận thì các chi phí bảo hiểm này được tính bổ sung vào chi phí thực hiện công việc tư vấn trong hợp đồng ký kết giữa bên giao thầu và nhận thầu thực hiện công việc tư vấn này.

5. Định mức chi phí tư vấn được quy định theo nhóm công trình như sau:

Nhóm I: Công trình khai khoáng; luyện kim; hoá chất; cơ khí; điện năng; vật liệu xây dựng; công nghiệp nhẹ; kho xăng dầu; các công trình chế biến và hoá dầu; các kho chứa chất nổ và vật liệu nổ.

Nhóm II: Công trình cấp thoát nước; tuyến ống dẫn dầu; đường dây tải điện; trạm biến áp; thông tin bưu điện; tín hiệu; chiếu sáng; các công trình kho không thuộc nhóm I.

Nhóm III: Công trình nông nghiệp; thủy sản; lâm nghiệp; thủy lợi.

Nhóm IV: Công trình đường giao thông: đường sắt; đường bộ; đường lãn, cát, hạ cánh máy bay; sân đỗ máy bay; công trình cầu; nút giao thông; phao tiêu báo hiệu; công trình hầm giao thông; bến phà; cảng sông; cảng biển; công trình thủy; công trình ga đường sắt và các công trình giao thông khác.

Nhóm V: Công trình dân dụng: nhà ở; khách sạn; công trình văn hoá, giáo dục; công trình y tế, thể dục thể thao; công trình thương nghiệp, dịch vụ; nhà làm việc; văn phòng; trụ sở và các công trình công cộng khác.

6. Định mức chi phí tư vấn được quy định theo quy mô công trình và được tính bằng tỷ lệ % của giá trị tương ứng với từng công tác tư vấn, cụ thể là:

6.1. Định mức chi phí lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi (3.1) tính bằng tỷ lệ % của giá trị xây lắp và thiết bị công trình (chưa có thuế giá trị gia tăng) trong báo cáo nghiên cứu tiền khả thi được duyệt.

6.2.Định mức chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi (3.2); lập báo cáo đầu tư(3.3); thẩm định dự án đầu tư (3.4) : tính bằng tỷ lệ % của giá trị xây lắp và thiết bị công trình (chưa có thuế giá trị gia tăng) trong báo cáo nghiên cứu khả thi (hoặc báo cáo đầu tư) được duyệt.

6.3.Định mức chi phí tư vấn thực hiện các công việc: Thẩm định thiết kế kỹ thuật; thẩm định tổng dự toán (3.4); lập hồ sơ mời thầu xây lắp và phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu xây lắp (3.5), Giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị(3.7): tính bằng tỷ lệ % của giá trị dự toán xây lắp công trình theo dự án (dựán thành phần hoặc tiểu dự án) hoặc hạng mục công trình theo gói thầu (chưa có thuế giá trị gia tăng) trong tổng dự toán (dự toán) được duyệt.

6.4.Định mức chi phí lập hồ sơ mời thầu mua sắm vật tư thiết bị và phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu mua sắm vật tư thiết bị (3.6): tính bằng tỷ lệ % của giá trị dự toán vật tư thiết bị công trình (chưa có thuế giá trị gia tăng) trong tổng dự toán được duyệt.

7.Trường hợp dự án đầu tư có sử dụng vật tư, thiết bị cũ thì các giá trị nói tại điểm 6 (làm căn cứ để xác định định mức chi phí tư vấn) được tính theo giá trị vật tư thiết bị mới tương ứng . Các giá trị này phải được chấp thuận của cơ quan phê duyệt thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán theo quy định đối với dự án.

8.Xác định chi phí tư vấn đầu tư và xây dựng:

8.1 Chi phí cho từng công việc tư vấn đầu tư và xây dựng chưa có thuế giá trị gia tăng được xác định theo công thức tổng quát sau:

$$C_i = G_i \times N_i \quad (1)$$

Trong đó:

C_i : Chi phí cho công việc tư vấn thứ i, đơn vị tính: giá trị ;

N_i : Định mức chi phí cho công việc tư vấn thứ i quy định tại phần II của văn bản này, đơn vị tính: %. Trường hợp cần nội suy N_i , theo hướng dẫn tại điểm 9 của văn bản này.

G_i : Giá trị tương ứng (chưa có thuế giá trị gia tăng) dùng để tính chi phí cho công việc tư vấn thứ i theo quy định tại điểm 6 và phần II trong văn bản này. Trường hợp chưa có giá trị theo đúng quy định tại điểm 6 thì chủ đầu tư và các bên thỏa thuận tạm tính giá trị G_i . Khi đã có các giá trị G_i theo đúng quy định thì chi phí tư vấn được xác định chính thức. Trong thời gian chưa xác định chính thức thì chi phí tạm ứng cho các bên đã thực hiện công việc tư vấn không quá 70% chi phí tư vấn xác định theo G_i tạm tính nói trên.

8.2. Chi phí cho từng công việc tư vấn có thuế giá trị gia tăng: được tính như quy định ở điểm (8.1) và cộng với phần thuế giá trị gia tăng tương ứng. Thuế suất giá trị gia tăng đối với công việc tư vấn thực hiện theo quy định hiện hành.

8.3. Bảng 4 phần II của văn bản này quy định mức giới hạn tối đa về chi phí cho trường hợp thuê chuyên gia hoặc tổ chức tư vấn thẩm định dự án đầu tư, thẩm định thiết kế kỹ thuật, thẩm định tổng dự toán. Tổ chức tư vấn thực hiện công việc thẩm định tổng dự toán phải có đủ năng lực chuyên môn về định mức, đơn giá, dự toán xây dựng. Riêng trường hợp chỉ thuê chuyên gia thẩm định các công việc nêu trên thì chi phí thuê chuyên gia được xác định trên cơ sở dự toán chi phí (nội dung dự toán chi phí thuê chuyên gia như hướng dẫn trong phụ lục kèm theo văn bản này) và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán phê duyệt. Mức chi phí thuê chuyên gia thẩm định không vượt quá 60% mức chi phí như đã quy định trên.

8.4. Định mức chi phí tư vấn cho công việc giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị được quy định theo đúng thời gian xây dựng ghi trong quyết định đầu tư. Trường hợp thời gian giám sát bị kéo dài so với qui định (không do bên tư vấn giám sát gây ra) làm tăng chi phí giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị so với định mức, thì bên tư vấn giám sát được tính bổ xung phần chi phí tăng thêm này (tương ứng với phần thời gian giám sát bị kéo dài) theo công thức tổng quát sau:

$$C_d$$

$$C_k = \frac{C_d}{T_{G_d}} \times T_{G_k} \quad (2)$$

$$T_{G_d}$$

Trong đó:

C_k : Chi phí tư vấn giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị cần tính bổ xung cho khoảng thời gian giám sát bị kéo dài so với quy định; đơn vị tính: giá trị;

C_d : Chi phí tư vấn giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị cho thời gian giám sát theo quy định (tính theo quy định trong văn bản này); đơn vị tính: giá trị;

TG_d: Thời gian giám sát theo quy định; đơn vị tính: tháng;

TG_k: Thời gian giám sát bị kéo dài so với quy định; đơn vị tính: tháng.

9. Trường hợp cần nội suy định mức chi phí tư vấn; thì áp dụng theo công thức tổng quát sau:

$$N_{ib} - N_{ia}$$

$$N_{it} = N_{ib} - \left[\frac{G_{ia} - G_{ib}}{G_{ia} - G_{ib}} \times (G_{it} - G_{ib}) \right] \quad (3)$$

$$G_{ia} - G_{ib}$$

Trong đó:

N_{it}: Định mức chi phí cho công việc tư vấn thứ i theo quy mô giá trị cần tính, đơn vị tính: % ;

G_{it}: Quy mô giá trị của công việc tư vấn thứ i cần tính định mức chi phí, đơn vị tính: giá trị ;

G_{ia}: Quy mô giá trị cận trên quy mô giá trị cần tính định mức (quy định trong phần II của văn bản), đơn vị tính: giá trị ;

G_{ib}: Quy mô giá trị cận dưới quy mô giá trị cần tính định mức (quy định trong phần II của văn bản), đơn vị tính: giá trị ;

N_{ia}: Định mức chi phí cho công việc tư vấn thứ i tương ứng G_{ia} (quy định trong phần II của văn bản), đơn vị tính: % ;

N_{ib}: Định mức chi phí cho công việc tư vấn thứ i tương ứng G_{ib} (quy định trong phần II của văn bản này); đơn vị tính: %.

10. Trường hợp chủ đầu tư hoặc ban quản lý dự án có đủ năng lực và được phép tổ chức thực hiện kiêm nhiệm một số công việc tư vấn đầu tư và xây dựng theo quy định hiện hành thì chủ đầu tư hoặc ban quản lý dự án được hưởng chi phí để thực hiện các công việc tư vấn này theo dự toán chi phí được cơ quan phê duyệt thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán phê duyệt nhưng tối đa không lớn hơn 60% định mức chi phí tư vấn của công việc tương ứng theo quy định.

Trường hợp các Chủ đầu tư có các tổ chức tư vấn đầu tư - xây dựng trực thuộc (bao gồm cả tư vấn thiết kế) thì được hưởng toàn bộ chi phí quy định tại văn bản này.

11. Khi tham gia vào việc tuyển chọn tư vấn, thì tổ chức tư vấn phải lập dự toán chi phí thực hiện công việc tư vấn theo hồ sơ mời thầu. Dự toán này là căn cứ để xét chọn tổ chức tư vấn thắng thầu và ký kết hợp đồng thực hiện công việc tư vấn. Giá để ký kết hợp đồng không được vượt giá tính theo định mức chi phí tư vấn quy định trong văn bản này.

12. Định mức chi phí tư vấn cho một số công việc tư vấn của các dự án thuộc Chương trình phát triển kinh tế xã hội các xã đặc biệt khó khăn miền núi và vùng sâu vùng xa theo Quyết định số 135/1998/QĐ-TTg ngày 31/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ và Chương trình xây dựng trung tâm cụm xã miền núi vùng cao theo Quyết định số 197/1999/QĐ-TTg ngày 30/9/1999 của Thủ tướng Chính phủ (các chương trình này gọi tắt là Chương trình 135) như lập báo cáo đầu tư; giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị được điều chỉnh như sau: các dự án xây dựng ở vùng núi, biên giới được điều chỉnh với hệ số 1,2; các dự án xây dựng ở hải đảo được điều chỉnh với hệ số 1,3 so với định mức quy định trong văn bản này.

13. Xác định chi phí đối với các công việc tư vấn đầu tư và xây dựng khác:

13.1. Chi phí khảo sát xây dựng được tính trên cơ sở đơn giá khảo sát xây dựng do UBND các Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương ban hành và khối lượng công tác khảo sát xây dựng. Trong khi chưa có các tập đơn giá khảo sát do UBND các Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương ban hành thì vẫn áp dụng theo các tập giá khảo sát hiện hành.

Đơn giá khảo sát xây dựng được xác định trên cơ sở định mức dự toán khảo sát xây dựng và Thông tư hướng dẫn việc lập và quản lý đơn giá khảo sát xây dựng của Bộ Xây dựng.

13.2. Chi phí thiết kế công trình: Theo hướng dẫn về định mức chi phí thiết kế công trình xây dựng.

13.3. Chi phí Quản lý dự án: Theo hướng dẫn về chi phí Ban quản lý dự án.

13.4. Chi phí cho các công việc tư vấn đầu tư và xây dựng như:

Nghiệm thu công trình do Hội đồng nghiệm thu Nhà nước thực hiện;

Tư vấn về pháp luật xây dựng và hợp đồng kinh tế ;

Lập đơn giá công trình đối với công trình được lập đơn giá riêng ;

Lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu tư vấn ;

Lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu, lựa chọn đối tác để thực hiện dự án ;